TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **109**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2024
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Dậu.

Ông Đặng Quang Hoạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Ngọc Lương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 461/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2024 về việc *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Hoài M**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Thạch H, xã Quảng S, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- *Bị đơn:* Ông **Trần M1**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ x, khu xx, ấp Thuận A, xã Sông Th, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, Bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Hoài M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông M1 quen biết nhau từ năm 2012, đến năm 2014 thì bà và ông M1 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Quảng S, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53/2014 ngày 22/5/2014. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh

phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà và ông M1 đã chính thức sống ly thân từ năm 2019, bà M trở về Ninh Thuận sinh sống, còn ông M1 cư trú ổn định tại Đồng Nai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể tổ chức cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần M1.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông M1 không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc nên bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn ông Trần M1 trình bày:

Ông M1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án nên không có trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Trần Thị Hoài M được ly hôn với ông Trần M1. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai trong thời kỳ hôn nhân giữa bà M và ông M1 không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Bà M phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị Hoài M nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần M1, sinh năm 1986, địa chỉ: Tổ x, khu xx, ấp Thuận A, xã Sông Th, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà M nộp đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đã nộp tạm ứng án phí theo quy định nên được thụ lý, giải quyết. Bà M có đơn xin xét xử vắng mặt, ông M1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn

vắng mặt nên căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông M1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Quảng S, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 53/2014 ngày 22/5/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông M1 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, bà M kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông M1 với lý do hiện nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không có hạnh phúc; vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Đồng thời, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông M1 để làm việc, hòa giải, hàn gắn nhưng ông M1 vắng mặt không có lý do, thể hiện việc ông M1 không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa bà M và ông M1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu ly hôn với ông M1 là có cơ sở chấp nhận và phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà M trình bày không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà M trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà M trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 235, 264, 266, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 8, 9, 51, 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hoài M về việc *"Ly hôn"* với ông Trần M1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hoài M được ly hôn với ông Trần M1.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Hoài M phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007054 ngày 09/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Bà Trần Thị Hoài M đã nộp đủ án phí.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thị Liên